

Số: 65 /BC-NSVP

Phúc Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
Năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500144719
- Vốn điều lệ: 109.630.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 129.150.953.438 đồng (Căn cứ theo mục Vốn chủ sở hữu tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty)
- Địa chỉ: Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Số điện thoại: 02113.869.364
- Số fax: 02113.868.663
- Website: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NVP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc tiền thân là Xí nghiệp cấp nước Mê Linh thuộc Công ty cấp nước Vĩnh Phúc. Xí nghiệp cấp nước Mê Linh đổi thành Công ty cấp nước Mê Linh theo Quyết định số 2388/QĐ-UB ngày 15/11/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 07/09/1999, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cấp nước Mê Linh và đổi tên Công ty cấp nước Mê Linh thành Công ty cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc.

Ngày 24/03/2010, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số II Vĩnh Phúc.

Ngày 10/03/2011, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 10/03/2011 về việc chuyển đổi Công ty cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc thành Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc.

Từ ngày 24/03/2011, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 ngày 24/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 2, với số vốn điều lệ là 85.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 thay đổi lần thứ 5 ngày 21/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp.

Kể từ khi hoạt động Xí nghiệp cấp nước Mê Linh hoạt động chủ yếu trên địa bàn thị xã Phúc Yên và một vài khu vực thuộc huyện Mê Linh như Thanh Lâm, Thanh Tước. Hiện nay, khi mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã mở rộng địa bàn sang khu vực Cầu Xây, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và một vài khu vực lân cận như huyện Bình Xuyên bao gồm khu phố Kếu, khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

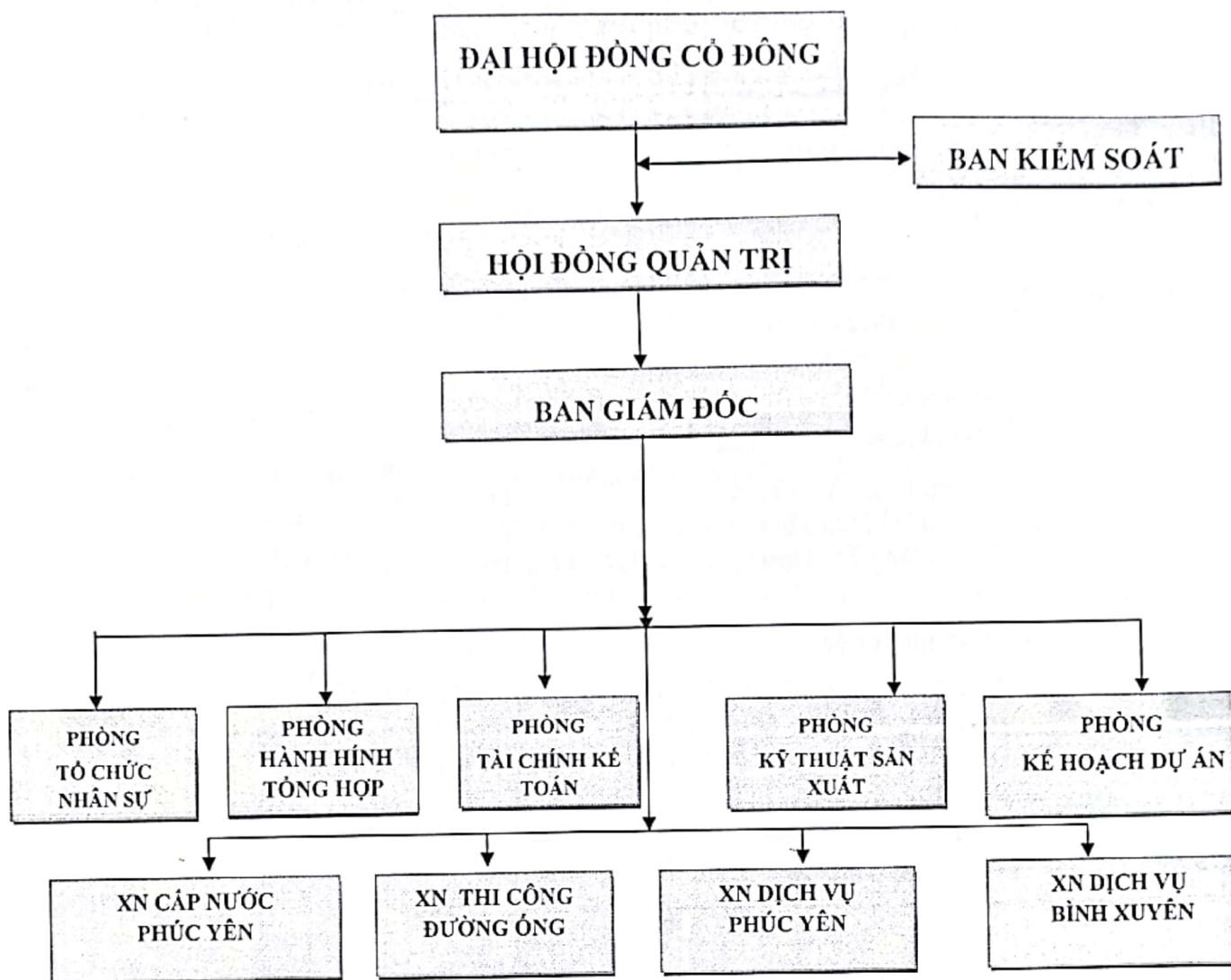
- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- + Sản xuất, kinh doanh nước sạch và nước tinh khiết;
- + Quản lý, xử lý nước thải đô thị;
- + Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- + Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước;
- + Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn;
- + Tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình cấp thoát nước;
- + Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước;
- + Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước;
- + Tư vấn, giám sát công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- + Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- + Cho thuê máy móc, thiết bị;
- + Thi công xây dựng công trình điện đến 35 KV.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và lắp đặt đường ống cấp nước sinh hoạt.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Phúc Yên; huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị:



b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; báo cáo của Ban Kiểm soát; báo cáo của Hội đồng quản trị; kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; mức cổ tức thanh toán hàng năm; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty...

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền nhiệm vụ sau đây: Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc; quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty...

Hiện nay, HĐQT của Công ty có 5 thành viên bao gồm 01 chủ tịch và 04 thành viên HĐQT, cơ cấu như sau:

Ông: Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT
Ông: Đinh Thế Kỳ	Thành viên HĐQT
Ông: Nguyễn Hồng Phú	Thành viên HĐQT
Ông: Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
Bà: Ngô Thị Vinh	Thành viên HĐQT

- Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có quyền đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý; và các quyền khác theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Cơ cấu Ban kiểm soát như sau:

Ông: Phạm Văn Tiến	Trưởng ban
Ông: Đỗ Đức Thịnh	Thành viên
Bà: Đặng Thị Hương	Thành viên

- Ban giám đốc

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua; thay mặt công ty ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo thông lệ quản lý tốt nhất; thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định tại điều lệ công ty.

Cơ cấu Ban giám đốc công ty hiện nay:

Ông: Ngô Trường Giang	Giám đốc
-----------------------	----------

c) Công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc	Thôn Bá Hương, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25.000	22

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sạch và các dịch vụ liên quan, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có, đầu tư và nâng cấp trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong cơ chế thị trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với các nhà đầu tư, nhân dân, chính quyền địa phương huy động nguồn vốn mở rộng mạng lưới cấp nước;

Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, từ đó tạo dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường...

Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo các tuyến ống cấp nước, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức bình quân dưới 15% trong năm 2022 và phấn đấu đến đạt mục tiêu của Chương trình quốc gia chống thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức dưới 12% vào năm 2025.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5. Các rủi ro:

a) Rủi ro về chính sách

Các chính sách pháp luật chi phối trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Nếu không nắm rõ các quy định pháp luật dẫn đến việc vi phạm pháp luật, các doanh nghiệp có thể phải chịu thiệt hại về mặt tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có thể bị ảnh hưởng. Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản Luật và dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... Công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật Tài nguyên nước, quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, và Luật Bảo vệ môi trường quy định về hoạt động bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật của nước ta, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế được dự báo sẽ có sự thay đổi trong thời gian tới do Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam, thu hút nguồn vốn nước ngoài. Vì vậy, Công ty liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp.

b) Rủi ro Giá bán nước sạch

Nước sạch sinh hoạt là một tài nguyên quan trọng, do Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể (ở đây chính là do ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt mức giá nước mà doanh nghiệp đưa ra dựa theo các quy định về tính giá). Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước có thể xem xét điều chỉnh giá khi có biến động như thay đổi công nghệ xử lý nước, quy chuẩn về chất lượng dịch vụ, các thay đổi về cơ chế chính sách có liên quan. Tuy nhiên hiện nay các chi phí đầu vào có xu hướng tăng nhưng đơn giá không được điều chỉnh kịp thời. Điều này gây ra cho các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty nói riêng những khó khăn nhất định về mặt tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm thiểu chi phí, đạt được lợi nhuận mục tiêu.

Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Vĩnh Phúc nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, do đó nhu cầu vốn đầu tư lớn, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có nguồn vốn lớn để phát triển hệ thống cấp nước và xử lý rác thải.

c) Rủi ro đặc thù:

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, chủng loại ống, vi phạm sử dụng nước hoặc do các công trình khác vô tình tác động đến hệ thống đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm vỡ đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo.

d) Rủi ro môi trường:

Chất lượng của nguồn nước là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước để tạo ra nước sạch. Nguồn nước của Công ty chủ yếu lấy từ các con sông lớn, Tuy lưu lượng các nguồn nước hiện có trữ lượng dồi dào và mang tính ổn định, Các rủi ro liên quan đến chất lượng nước nguồn cũng có thể xảy ra như sự cố tràn dầu hoặc tàu chìm ... Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước. Công ty cũng luôn ý thức đảm bảo các hoạt động của mình không gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp thoát nước. Ngoài ra, Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề phát triển bền vững, khai thác nguồn nước hợp lý để bảo vệ tài nguyên nước cho tương lai.

e) Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro hiếm xảy ra nhưng có thể gây ra những thiệt hại lớn cho Công ty. Đó là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm chủ yếu thực hiện trong năm là sản xuất, cung cấp nước sạch.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh bám sát với thực tế, trong năm 2021, Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc đã quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, có nhiều sáng tạo, cải tiến trong kỹ thuật vận hành máy bơm, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp;

từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Cụ thể, Công ty đã khai thác và xử lý đạt sản lượng nước sạch là: 8.229.000 m³ (tăng 5,4% so với năm 2020); sản lượng nước tiêu thụ đạt 7.983.000 m³ (tăng 2,2 % so với năm 2020), doanh thu sản xuất nước sạch đạt: 84,6 tỷ đồng , trích nộp ngân sách là: 10,3 tỷ đồng ...

Chất lượng nước cung cấp đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009 ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 với các chỉ tiêu: doanh thu cao, chất lượng tốt và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người lao động.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Doanh thu và thu nhập khác	87.727	89.407	102
2	Lợi nhuận trước thuế	2.821	3.510	124
3	Nộp ngân sách NN	9.889	10.321	104

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Số cổ phiếu sở hữu
1	Ngô Trường Giang	Giám đốc	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	15.000
2	Ngô Thị Vinh	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	3.800

b) Những thay đổi trong ban điều hành

Năm 2021, Công ty có thay đổi trong ban điều hành: Ông Đinh Thế Kỳ - Phó Giám đốc Công ty nghỉ hưu từ ngày 01/01/2021.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 125 nhân viên (31.12.2020: 127 nhân viên).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Stt	Danh mục công trình	Công suất thiết kế (mđ)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		
				Vốn ngân sách	Vốn doanh nghiệp	Nguồn khác
1	Di chuyển đường ống cấp nước phục vụ dự án Cải tạo chỉnh trang đô thị các tuyến phố tại thành phố Phúc Yên	11.178	4.719.051.000		4.719.051.000	
2	Mở rộng mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Phúc Yên:					
-	Tuyến ống cấp nước cho thôn Kim Tràng (nay thuộc TDP Kim Xuyên)	2.100	1.500.000.000		1.500.000.000	
3	Cải tạo mạng lưới cấp nước dịch vụ huyện Bình Xuyên:					
-	Hạng mục: Cải tạo tuyến ống cấp nước dịch vụ cho Khu Lò Càng	3.000	1.410.000.000		1.410.000.000	
-	Hạng mục: Cải tạo tuyến ống cấp nước dịch vụ cho Khu Lò Ngói	2.300	1.081.000.000		1.081.000.000	
4	Mở rộng mạng lưới cấp nước dịch vụ huyện Bình Xuyên:					
-	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước sạch cho TDP Thăng Lợi	2.370	1.373.809.000		1.373.809.000	
5	Tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho thị trấn Đạo Đức:					
-	Hạng mục: Tuyến ống truyền dẫn HDPE DN110 cấp nước cho Thôn Nhân Vực - TT. Đạo Đức	830	568.291.000		568.291.000	
6	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thị trấn Đạo Đức:					
-	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Nhân Vực - TT. Đạo Đức	3.810	1.650.000.000		1.650.000.000	
-	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Kếu - TT. Đạo Đức	2.153	932.401.575		932.401.575	
7	Dự án Cấp nước Bá Hiến - Bình Xuyên - Phúc Yên, Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước dọc ĐT.310B (đoạn từ cầu đường sắt vượt đường bộ đến Công ty Vinatop) công trình chuyển tiếp	1.266	5.510.171.600		5.510.171.600	
8	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn cho xã Tam Hợp đợt 1	3.200	4.750.000.000		4.750.000.000	
9	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho xã Tam Hợp đợt 1	13.375	3.750.000.000		3.750.000.000	
10	Cải tạo cụm xử lý nhà máy nước trung tâm		700.000.000		700.000.000	
11	Khoan khai thác giếng DP9		2.500.000.000		2.500.000.000	
12	Cải tạo trụ sở Công ty (Nhà điều hành) (chi phí chuẩn bị đầu tư)		2.000.000.000		2.000.000.000	
	Tổng cộng (làm tròn)		32.445.000.000		32.445.000.000	

- Các công trình hoàn thành: mục 6.1
- Các công trình hoàn thành từ 80% trở lên: mục 1; mục 4
- Các công trình đang thi công: mục 3; mục 8; mục 9
- Các công trình chưa thi công: mục 2; mục 5; mục 6.2; mục 7; mục 10; mục 12.
- Công trình không thực hiện: mục 11

b) Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%)	Doanh thu 2021	Lợi nhuận 2021
Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc	Thôn Bá Hương, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25.000	22	24.275	3.091

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	196.975	192.443	-2,3%
Doanh thu thuần	85.265	87.739	2,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.011	3.781	25,57%
Lợi nhuận khác	-431	-271	-
Lợi nhuận trước thuế	2.580	3.510	36%
Lợi nhuận sau thuế	2.074	2.743	32%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,795%	1,186%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,62	1,72

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,08	1,15
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	33,97%	32,89%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	51,45%	49,01%
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,43	0,45
-	Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn	2,17	2,28
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	4,61	4,92
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,43%	3,13%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,05%	1,43%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	1,59%	2,12%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	3,53%	4,31%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 10.963.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 10.963.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 10.963.000 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo loại hình sở hữu				

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	CĐ nhà nước	1	10.569.900	96,41%
2	CĐ là tổ chức	1	28.000	0,26%
3	CĐ là cá nhân	144	365.100	3,33%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	1	10.569.900	96,41%
2	CĐ khác	145	393.100	3,59%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	146	10.963.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng		146	10.963.000	100%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2021, Công ty không thực hiện đợt tăng vốn cổ phần nào.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2021, Công ty không tiến hành đợt mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

e) **Các chứng khoán khác:**

Trong năm 2021, Công ty không có chứng khoán nào khác đang lưu hành.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với kế hoạch (%)	Thực hiện năm 2021 so với năm 2020 (%)
A	Thực hiện sản xuất sản phẩm, dịch vụ công ích						
1	Nước sạch	1000m ³	7.805	7.983	7.837	102	102
B	Tài chính						
I	Doanh thu	Triệu VNĐ	86.487,83	89.407,66	87.727	102	103
1	Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Triệu VNĐ	85.265,56	87.738,86	87.727	100	103
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	581,00	844,17			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với kế hoạch (%)	Thực hiện năm 2021 so với năm 2020 (%)
3	Doanh thu khác	Triệu VNĐ	641,27	824,63			
II	Chi phí	Triệu VNĐ	83.907,33	85.897,34	84.906	101	102
1	Chi hoạt động SXKD và cung cấp dịch vụ	Triệu VNĐ	80.362,65	82.524,30			
2	Chi hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	2.472,72	2.277,61			
3	Chi phí khác	Triệu VNĐ	1.071,96	1.095,43			
III	Lợi nhuận	Triệu VNĐ	2.580,50	3.510,33	2.822	124	136
1	Lãi (lỗ) HĐ kinh doanh	Triệu VNĐ	3.011,19	3.781,12			
2	Lãi (lỗ) HĐ tài chính	Triệu VNĐ	-1.891,72	-1.433,44			
3	Lãi (lỗ) HĐ khác	Triệu VNĐ	-430,69	-270,80			
IV	Nộp ngân sách (thực nộp)	Triệu VNĐ	7.280,73	10.321	9.889	104	142

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Biến động 2021 so với 2020 (%)
1	Tổng tài sản	196.975,30	192.443,28	-2,30%
2	Tài sản ngắn hạn	36.924,82	40.128,28	8,67%
3	Tài sản dài hạn	160.050,46	152.314,99	-4,83%
4	Phải thu ngắn hạn	8.157,45	5.167,81	-36,64%
5	Phải thu dài hạn	-	-	-
Hiệu quả sử dụng tài sản				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	1,05%	1,43%	36,2%
2	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	43,29%	45,59%	5,31%

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Biến động 2021 so với 2020 (%)
1	Nợ ngắn hạn	22.745,85	23.347,57	2,65%
2	Nợ dài hạn	44.167,85	39.944,76	-9,56%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bổ nhiệm cán bộ quản lý các phòng ban, xí nghiệp trong công ty phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc;

Cử cán bộ quản lý và nhân viên tham gia các khóa đào tạo về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, các chương trình giao lưu học hỏi kinh nghiệm...

Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định và kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục hoàn thành xây dựng các dự án, công trình chưa hoàn thành năm 2021;
- Kế hoạch đầu tư, xây dựng các dự án, công trình mới năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục các CT đầu tư	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch thực hiện năm 2022
1	Tuyến ống cấp nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Bình Xuyên	1,5km	6.560	6.560
2	Cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực Phúc Yên	20,5km	12.000	12.000
3	Cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước thị trấn Hương Canh	7,7km	4.000	4.000
4	Dự án cấp nước Bá Hiến - Bình Xuyên - Phúc Yên	6,1km	18.800	18.800
5	Cải tạo nhà điều hành trụ sở Công ty		20.909	20.909
6	Cải tạo nhà điều hành Xí nghiệp dịch vụ Bình Xuyên		6.826	6.826
7	Cải tạo cụm xử lý nhà máy nước trung tâm	23.000m ³ / ngày đêm	14.900	14.900
	Cộng		83.995	83.900

Danh mục các công trình đề xuất xin chủ trương đầu tư

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)
1	Tuyến ống cấp nước HDPE DN315 đường vành đai 4 (đoạn từ QL2 đi KCN Nam Bình Xuyên)	4 km	4.529
2	Nhà máy nước Lập Đình	2000 m ³ / ngày đêm	37.200
3	Mở rộng mạng lưới cấp nước TT Đạo Đức		
-	Tuyến ống truyền dẫn DN225	2,6 km	4.000
-	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TT Đạo Đức	15 km	4.500
4	Mở rộng hệ thống cấp nước liên xã Tam Hợp - Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên		
-	Tuyến truyền dẫn	4,3 km	6.400
-	Tuyến dịch vụ	18 km	5.600
5	Xây dựng sân phơi bùn		3.000
	TỔNG CỘNG		65.229

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 với các chỉ tiêu: doanh thu cao, chất lượng tốt và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Giữ mức tăng trưởng sản lượng của công ty tăng từ 5 đến 10%/năm, từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở	Số cổ phần đại diện
-----------	---------	---------------	---------------------

		hữu	phần vốn Nhà nước
Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch	15.000	2.113.980
Ông Đinh Thế Kỳ	Thành viên	14.100	2.113.980
Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên	9.300	1.056.990
Bà Ngô Thị Vinh	Thành viên	3.800	1.056.990
Ông Nguyễn Hồng Phú	Thành viên	0	4.227.960

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị trong kỳ báo cáo.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo luật định;

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của ban điều hành để đảm bảo bộ máy hoạt động của công ty vận hành theo đúng mục tiêu và kế hoạch được Đại hội cổ đông thông qua. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và đạt được kết quả cao so với kế hoạch đề ra.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị trong kỳ báo cáo.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Phạm Văn Tiến	Trưởng Ban KS	3.800	0	0,035%
Ông Đỗ Đức Thịnh	Thành viên	2.000	0	0,018%

Bà Đặng Thị Hương	Thành viên	2.000	0	0,018%
-------------------	------------	-------	---	--------

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề liên quan;

Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

Ban Kiểm soát được HĐQT mời tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến vào việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Tiền lương, Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản lợi ích khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Quyết toán năm 2021
I	Tổng thu nhập của HĐQT và BKS	1.272
II	Thù lao	180
1	HĐQT	132
2	Ban kiểm soát	48
	Tổng cộng	1.457

Công ty thực hiện chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, Tiền lương và các khoản khác thực hiện chi trả theo đúng quy định của Nhà nước, quy chế của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện đúng các quy định trong điều lệ công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được kiểm toán và ý kiến kiểm toán được đăng trên website:
nuocsachvinhphuc.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty. ✓

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UB CK nhà nước; Sở GDCK HN;
- HĐQT, BGD, BKS Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.



Ngô Trường Giang